

Bản án số: 281/2021/DS-PT
Ngày 20 tháng 5 năm 2021
“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2021/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1890/2020/DS-ST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 716/2021/QĐPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1950 – Có mặt;

Địa chỉ: 669/12/3 An Dương Vương, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Thị Lài – Trưởng Văn phòng luật sư Minh Lý thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt);

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1929 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 111 Lê Đình Cẩn, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Lê Minh H, sinh năm 1973 – Có mặt;

Địa chỉ: 111/15/8/4 Lê Đình Cẩn, Khu phố 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; (Văn bản ủy quyền ngày 06/5/2021);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1946 – Vắng mặt;

3.2. Anh Huỳnh Phước L¹, sinh năm 1996 – Có mặt;

3.3. Chị Lê Thị Cẩm L², sinh năm 1975 – Vắng mặt;

3.4. Trẻ Phan Thị Ngọc T¹, sinh năm 2013 có người đại diện đương nhiên là chị Lê Thị Cẩm L² (mẹ của T¹) – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: 111 Lê Đình Cẩn, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.5. Ông Nguyễn Ngọc H¹, sinh năm 1947 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 17920 Sherman Way # G Reseda CA 91335 USA.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc H: Bà Nguyễn Thị Ngọc A (cũng là nguyên đơn – Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2014 được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 26/6/2014) – Có mặt;

3.6. Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lại Phú C – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B (Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2020) – Có mặt;

4. *Người kháng cáo:*

4.1. Bị đơn ông Lê Văn T;

4.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Cha mẹ của bà là cụ Nguyễn Kim T² (chết năm 1985) và cụ Nguyễn Thị C¹ (chết năm 2001) có 03 người con là Nguyễn Kim S (chết lúc khoảng 02 tháng tuổi), Nguyễn Ngọc H¹ (đang ở Hoa Kỳ) và bà. Cụ T² mua của Đỗ Văn C² diện tích 1,36 ha theo Tờ bán đứt đất ngày 12/02/1944 có chính quyền chế độ cũ chứng thực. Cụ T² dành khoảng 2.000 m² để làm thổ mộ gia tộc. Năm 1960, cụ T² cho cô Nguyễn Văn D cất một căn nhà diện tích 40 m² để ở tạm, sau khi cô D chết thì con của cô D là cụ Nguyễn Văn T³ tiếp tục ở trong căn nhà trên. Sau đó cụ T³ tiếp tục lấn dần đất của gia đình bà A đến 500 m² rồi bán và tặng cho nhiều người, trong đó cụ T³ cho ông Lê Văn T diện tích khoảng 30 m². Từ năm 1992, gia đình bà A khiếu nại việc cụ T³ lấn đất. Theo Báo cáo số 50/BC-UB-ĐĐ ngày 03/5/1999 của Ủy ban nhân dân xã Tân Tạo, Báo cáo số 117/BC ngày 01/10/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Báo cáo số 76/BC-UB ngày 16/3/2004 của Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số 3130/QĐ-UB kiến nghị Ủy ban nhân dân quận Bình Tân tháo dỡ nhà của ông Lê Văn T do lấn chiếm đất trái phép. Từ đó, Ủy ban nhân dân quận Bình Tân ra Thông báo số 108/TB-UB ngày 18/3/2004 kiểm tra hành vi vi phạm pháp luật của ông Lê Văn T và ra nhiều văn bản đề xuất việc ông T tháo dỡ, thể hiện tại Tờ trình 257/TTr-TNMT ngày 30/10/2007 nhưng gia đình ông T không thực hiện mà còn tiếp tục nói rộng diện tích và cất nhà mới trên diện tích lấn chiếm của gia đình bà. Sau khi Nhà nước giải tỏa, căn nhà và phần sân ông T đang ở có diện tích đất 66,5 m² có giá trị là 5.571.015.000 đồng.

Ngoài căn nhà trên, ông T còn căn nhà khác tại số 111/15/8/4A Lê Đình Cẩn do ông T để cho gia đình con của ông ở. Vì vậy, bà yêu cầu ông T tháo dỡ căn nhà 111 Lê Đình Cẩn để trả lại đất cho bà, bà sẽ hỗ trợ chi phí di dời là 600.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Văn T và người đại diện của ông trình bày: Phần đất này của cụ Nguyễn Văn T³ cho ông, có giấy tay năm 1996, lúc đó là đất trống, sau đó ông T xây dựng nhà ở và kê khai, đăng ký năm 1999 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Tân Tạo, có nộp thuế đất từ 1999 đến nay theo Thông báo nộp thuế số 715951/TB-PNN ngày 11/5/2018 của Chi cục thuế quận Bình Tân và nhập hộ khẩu sinh sống ổn định đến nay, được cấp sổ nhà theo Thông báo tạm cấp sổ nhà số 1206/TB-UB ngày

13/02/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh. Ông là người sử dụng đất ngay tình, ngoài căn nhà này ông không còn nơi ở nào khác nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc A và ông không có yêu cầu phản tố gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H¹ (do bà Nguyễn Thị Ngọc A đại diện) trình bày: Thông nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lê Thị L và các anh chị Lê Thị Cẩm L², Huỳnh Phước L¹ trình bày: Thông nhất ý kiến của bị đơn.

Tại bản tự khai (không ghi ngày tháng năm 2020 – bút lục 483) của người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận Bình Tân trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ủy ban nhân dân quận sẽ thực hiện theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1890/2020/DS-ST ngày 04/11/2020 và Quyết định sửa chữa bổ sung số 653/2020/QĐ-SCBSBA ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, các điều 262, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 155, 357, 468, 163, 197 và 203 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 100 Luật Đất đai 2013; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc A:

Buộc bị đơn là ông Lê Văn T có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 5.484.581.382 đồng tương đương với giá trị quyền sử dụng đất diện tích 66,5 m² tại số 111 Lê Đình Cẩn, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (theo bản vẽ hiện trạng vị trí của Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/10/2015, nhằm tờ bản đồ số 14 Bộ địa chính phường Tân Tạo, quận Bình Tân – theo tài liệu năm 2004).

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn tháo dỡ toàn bộ căn nhà số 111 Lê Đình Cẩn đã xây dựng trên phần diện tích 66,5 m² đất, nhằm tờ bản đồ số 14 Bộ địa chính phường Tân Tạo, quận Bình Tân (theo tài liệu năm 2004).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; về án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/11/2020, bị đơn ông Lê Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, công nhận cho vợ chồng ông T, bà L 51,9 m² đất và ông, bà chỉ hoàn trả một phần giá trị cho nguyên đơn theo Bảng giá đất hàng năm của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Anh Lê Minh H (đại diện hợp pháp của bị đơn) trình bày cả hai bên đều không có giấy tờ đất nhưng Tòa án thụ lý giải quyết là sai pháp luật; theo quy định của pháp

luật thì đất đai là của Nhà nước quản lý nên không được đòi lại đất. Vì vậy đề nghị hủy Bản án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc A không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông T vì đất này là của cha của bà mua có giấy tờ hợp pháp, được chính quyền cũ công nhận. Năm 1988, bà kê khai nhưng Ủy ban nhân dân xã nói chưa có chủ trương cho kê khai đất thổ mộ, đến năm 1999 bà đã kê khai nhưng Ủy ban nhân dân xã làm mất hồ sơ của bà. Từ năm 1992 thì bà đã khiếu nại, nhưng Ủy ban nhân dân xã làm mất hồ sơ của bà, bà liên tục khiếu nại đến năm 2003 mới được giải quyết cho đến nay. Các cấp chính quyền đã xác định đất là của gia đình bà và buộc ông T dỡ nhà trả đất cho gia đình bà nhưng ông T không chấp hành. Bà đề nghị bác kháng cáo của ông T.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị xem xét yêu cầu kháng cáo của ông H trình bày tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay là vượt quá phạm vi kháng cáo của ông T và đã hết thời hạn kháng cáo nên đề nghị không xem xét. Cụ T² mua đất năm 1944 có trước bạ hợp pháp, gia đình bà A kê khai đăng ký quyền sử dụng đất vào năm 1988 thì Ủy ban nhân dân xã nói chưa có chủ trương, còn kê khai năm 1999 thì Ủy ban nhân dân xã làm thất lạc hồ sơ. Trường hợp này thì Tòa án nhân dân tối cao đã có hướng dẫn chủ cũ được quyền khởi kiện đòi lại đất. Trong khi đất đang có tranh chấp mà Ủy ban nhân dân xã xác nhận vào giấy tờ cụ T³ chuyển nhượng đất là sai. Đối với phần diện tích 6,3 m² nằm trong quy hoạch lộ giới thì khi Nhà nước thu hồi sẽ được bồi thường, nên Bản án sơ thẩm buộc ông T phải trả giá trị toàn bộ diện tích tranh chấp 66,5 m² là có căn cứ. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ông Lại Phú C (người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân) trình bày Ủy ban nhân dân quận sẽ thi hành theo Bản án có hiệu lực pháp luật, nhưng sẽ không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích vi phạm lộ giới. Đất đang tranh chấp là đất có nguồn gốc thổ mộ, nhưng hiện trạng là đất ở. Cụ T³ có kê khai đăng ký quyền sử dụng đất năm 1999 nhưng Hội đồng xét cấp không chấp nhận, còn việc bà A trình bày đã kê khai đăng ký đất năm 1988, 1999 thì ông không biết.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phiên tòa được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Lê Thị L vắng mặt nên bị coi như từ bỏ việc kháng cáo và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị L.

[2] Đơn kháng cáo của ông Lê Văn T đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (những người này đều không có kháng cáo) vắng mặt không lý do, nên việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại Quyết định giải quyết tranh chấp số 9404/QĐ-UBND ngày 07/10/2013 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân đã công nhận cho gia đình cụ Nguyễn Kim T² (do bà Nguyễn Thị Ngọc A đại diện) quyền sử dụng diện tích 562,3 m² (trừ diện tích nhà của ông Lê Văn T và nhà bà Nguyễn Thị Phụng L⁴). Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh không giải quyết phần diện tích đất tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Ngọc A với ông Lê Văn T. Do đó, Bản án sơ thẩm đã xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp là đúng quy định tại Điều 26 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự;

[4] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện vào năm 1944, cha của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A là cụ Nguyễn Kim T² mua 1,36 ha đất (bút lục 64-67). Cụ T² sử dụng một phần diện tích để làm thổ mộ, chôn cất người thân trong dòng họ và đồng ý cho cố Nguyễn Văn D cất nhà trên đất để trông coi thổ mộ. Sau khi cố D chết thì cụ Nguyễn Văn T³ tiếp tục ở, kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3853/99 ngày 29/3/1999, diện tích 191 m² (phần diện tích này không có tranh chấp). Quá trình sinh sống tại đây, cụ T³ chuyển nhượng cho một số hộ dân khác và cho con cháu cất nhà trên đất thổ mộ nằm ngoài diện tích cụ T³ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên bà Nguyễn Thị Ngọc A có đơn tranh chấp. Trong số các hộ được cụ T³ cho đất, có hộ ông Lê Văn T.

Theo Báo cáo số 11/BC ngày 01/10/2003 của Tổ giải quyết tranh chấp đất đai huyện Bình Chánh (bút lục số 88) thì bà Nguyễn Thị Ngọc A đã có đơn tranh chấp từ năm 1993, Ủy ban nhân dân xã Tân Tạo hòa giải nhiều lần không thành nên đã có Công văn số 50/BC.UB.ĐC ngày 03/8/1999 báo cáo về huyện. Trong quá trình thụ lý, Phòng Kinh tế tổng hợp huyện chuyển hồ sơ vụ việc lại cho Ủy ban nhân dân xã Tân Tạo làm lại cho đầy đủ, nhưng Ủy ban nhân dân xã Tân Tạo làm thất lạc hồ sơ nên bà A tiếp tục khiếu nại, đến tháng 4 năm 2003 thì cơ quan có thẩm quyền mới tiếp tục thẩm tra xác minh và giải quyết sự việc.

Tại Báo cáo số 76/BC-TTr ngày 16/3/2004 của Đoàn Kiểm tra theo Quyết định 3130 – Thanh tra quận Bình Tân (bút lục 93) kết luận: Cụ Nguyễn Văn T³ có hành vi tự ý phân lô, bán nền trên phần đất nghĩa địa của bà A. Ủy ban nhân dân xã Tân Tạo không thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực đất đai trên địa bàn, làm thất thoát hồ sơ, kéo dài thời gian khiếu nại của bà A, xác nhận việc chuyển nhượng đất của cụ T³ trên đất mồ mả của gia tộc bà A.

[5] Bị đơn ông Lê Văn T trình bày nguồn gốc đất ông đang ở là do được cụ Nguyễn Văn T³ cho theo văn bản ngày 20/3/1996 (bút lục 161), nhưng văn bản này không có xác nhận của chính quyền địa phương.

Tại thời điểm lập giấy tay cho đất, cụ Nguyễn Văn T³ không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất đối với phần đất cụ T³ đã cho ông T; đồng thời bà Nguyễn Thị Ngọc A đã có đơn tranh chấp quyền sử dụng đất từ năm 1993 liên tục đến nay.

[6] Tuy phần diện tích tranh chấp có nguồn gốc của gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc A có giấy tờ mua đất năm 1944 được chính quyền cũ xác nhận, nhưng từ năm 1960 đến khi có tranh chấp (năm 1993) và cho đến nay, gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc A không trực tiếp quản lý sử dụng đất, mà người sử dụng đất lại là cố D, cụ T³ và hiện nay là ông T. Chưa có tài liệu chứng minh lời khai của bà A kê khai đăng ký

quyền sử dụng đất vào năm 1988, 1999. Tòa án cấp sơ thẩm chưa có ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cho biết việc sử dụng đất đó có hay không vi phạm quy hoạch và có thể được xem xét để giao quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp hay không? Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân xác định sẽ không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích vi phạm lộ giới; cũng chưa có ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền xác định loại đất là đất ở hay là đất làm nghĩa trang, nghĩa địa (nguyên đơn khai là đất thổ mộ). Trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hiện nay là đất ở thì cũng cần phải thu thập chứng cứ để xác định nguyên nhân trước đây cụ T³ dùng làm nghĩa trang nhưng nay trở thành đất ở thì ai đã có công sức tôn tạo thành đất ở, để bảo đảm quyền và lợi ích của họ.

Những vấn đề trên chưa được thu thập chứng cứ làm rõ nhưng Bản án sơ thẩm đã buộc ông T hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà A theo giá đất ở và cho ông T được quyền kê khai đăng ký toàn bộ diện tích 66,5 m², kể cả phần diện tích vi phạm lộ giới là chưa đủ căn cứ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Do việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn T, hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[5] Ông Lê Văn T và bà Lê Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 296, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị L.

3. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn T;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 1890/2020/DS-ST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Ông Lê Văn T và bà Lê Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân TP. HCM
(Kèm hồ sơ vụ án);
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu

Phạm Văn Công

